

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31-10-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Trường

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1995 (có mặt)

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn L1, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ 2, ấp 3, xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2023, bản tự khai ngày 28/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn L1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2022 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, anh L1 thường xuyên rượu chè, say xỉn dẫn đến có những lời lẽ xúc phạm đến chị, gia đình bên ngoại và ảnh hưởng đến công việc kinh doanh. Ngoài ra, trong thời gian chị mang thai và sinh con anh L1 không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác và bị bệnh xã hội. Điều đó làm ảnh hưởng trực tiếp đến chị và hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn niềm tin và tiếng nói chung. Chị và anh L1 sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn L1.

- Về con chung: Chị L và anh L1 có 1 con chung là Ngô Bùi An N, sinh ngày 26/02/2023. Hiện nay con đang ở với chị L. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, tại Bản tự khai ngày 11/10/2023 tại Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Đồng Nai, bị đơn anh Ngô Văn L1 trình bày:*

Theo bản tự khai của nguyên đơn, văn bản thông báo thụ lý vụ án của Tòa án là đúng về con, quan hệ tài sản, đã đăng ký kết hôn tại UBND như nguyên đơn trình bày ý kiến. Vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay nên anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Tại phiên tòa:* Chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn L1. Về con chung: Trước khi sinh con chị làm công nhân. Hiện nay chị đang nghỉ thai sản và đang ở cùng với gia đình bên ngoại, chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con. Anh L1 làm nghề sửa xe ô tô, có thu nhập. Nguyên vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 đến khi con thành niên. Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị L và anh L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 04/4/2022, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị L được ly hôn anh L1.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Bùi An N, sinh ngày 26/02/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

+ Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh L1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Ngô Văn L1 có địa chỉ thường trú tại thôn S, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Bùi Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn L1 có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngô Văn L1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L1 theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Ngô Văn

L1 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung và mất mát niềm tin. Từ đó cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị L và anh L1 sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Về phía anh L1 cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét thấy chị L và anh L1 đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh L1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh L1 có 1 con chung là Ngô Bùi An N, sinh ngày 26/02/2023. Hiện nay con đang ở với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Cháu Ngô Bùi An N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Hiện nay anh L1 đang đi làm ăn xa, không đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ngô Bùi An N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa chị L yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ. Xét thấy chị L yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, buộc anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh L1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Bùi Thị L được ly hôn anh Ngô Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Bùi An N, sinh ngày 26/02/2023 cho chị

L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Ngô Văn L1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0007349 ngày 27/7/2023. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Văn L1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

